**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TP RĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc**
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28 / 02 / 2025.
V/v: Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### TÒA ÁN NHÂN DÂN TP R

**Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan - Thẩm phán
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Kim Nhung
  2. Bà Nguyễ Thị Thùy Ngân
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp R xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 504/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc "Xin ly hôn, nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc C**, sinh năm 2002 (Có mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 3 ấp Hòa Bình, xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn S**, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú: Số 139 Trương Định, phường An Bình, Tp R, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:** Tôi và ông S chung sống với nhau vào năm 2022 không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, vào ngày 19/2/2024. Ban đầu cuộc sống vợ chồng tôi rất hạnh phúc dần dần tình cảm vợ chồng ngày càng mờ nhạt, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không còn hạnh phúc và không

còn hòa hợp như trước đây, tôi đã cho ông S cơ hội nhiều lần để sửa chữa nhưng ông S vẫn chứng nào tật nấy. Chúng tôi sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay, không còn qua lại với nhau nữa. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với ông S vì tình cảm không còn như xưa.

- Về con chung: Bà C xác định có 01 người con chung tên Huỳnh Đăng Khôi, sinh ngày 12/7/2023. Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Huỳnh Văn S:** Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn S vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Các đương S tranh chấp với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung". Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân S vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá. Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn S Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân S tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Văn S nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

**[2] Về nội dung vụ kiện:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2022, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/02/2024, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà C, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C và ông S không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Cụ thể, tại phiên tòa bà C trình bày nguyên nhân là do ông S và bà

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng trong cuộc sống, ông S không có trách nhiệm với vợ và con, đi làm nhưng không hề đóng góp với bà để nuôi con ăn học, thậm chí ông S còn có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng không còn hạnh phúc và không còn hòa hợp như trước đây, từ đó hai người sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay không ai còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C được ly hôn với ông S.

Về quan hệ con chung: Bà C xác định có 01 người con chung tên Huỳnh Đăng Khôi, sinh ngày 12/7/2023 hiện nay đang sống với bà. Nay bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, xét yêu cầu nuôi con của bà C phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà C không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn S, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân S quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương S phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho S phản đối đó". Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông S không có S phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu ông S có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì ông S có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng.

**Vì các lẽ trên,**

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 91, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân S năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc C đối với ông Huỳnh Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Huỳnh Đăng Khôi, sinh ngày 12/7/2023 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Huỳnh Văn S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007804 ngày 21/111/2024 nên bà C không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- VKSND TP.R
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND Tỉnh Kiên Giang
- CQTHA TP.R
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**Phạm Thị Thanh Loan**